

Bản án số: 09/2018/LĐPT

Ngày: 21-8-2018

V/v “Tranh chấp về việc đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu.

Ông Trịnh Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Tinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLPT-LĐ ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2018/QĐXXPT-LĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1974; địa chỉ: A đường L, phường A, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “có mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông L: Ông Lê Viết T1, sinh năm 1963; địa chỉ: B đường C, phường N, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*Được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 18 tháng 7 năm 2017*) “có mặt”

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ: A đường A, phường B, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Ngọc D – Giám đốc Công ty “vắng mặt”.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Ngô Hồng T2, sinh năm 1986 và ông Đặng Thanh H; cùng địa chỉ: C đường N, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (*Được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 15 tháng 11 năm 2017*) “Ông T2 có mặt, ông H vắng mặt”.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của ông Đỗ Văn L đề ngày 20/9/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Lê Viết T1 là người được ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/11/2016, ông Đỗ Văn L ký Hợp đồng lao động số 01-2016TL/HĐLĐ với Công ty TNHH T (Công ty T). Thời hạn hợp đồng là 12 tháng, thời gian thực hiện hợp đồng tính từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/11/2017; công việc được giao là máy trưởng, mức lương 20.000.000đồng/01tháng. Sau khi ký kết hợp đồng thì ông L bắt đầu thử việc một tháng; hết thời hạn thử việc thì ông L tiếp tục làm việc theo hợp đồng lao động với chức danh máy trưởng tàu Sungai Silat1 thuộc Công ty T. Trong quá trình làm việc, ông L luôn hoàn thành nhiệm vụ, chức trách được giao. Ông L không xin thôi việc và không thỏa thuận với Công ty T thôi việc. Khi Công ty T điện thoại yêu cầu ông L bàn giao công việc và đến Công ty để nhận quyết định thôi việc thì ông L chấp hành và đã bàn giao công việc cho người khác. Ông L đã nhận Quyết định không số, không ngày, tháng, năm của Công ty T vào ngày 13/02/2017. Quyết định có nội dung cho thôi việc ông L nhưng không nêu lý do, không báo trước theo quy định của pháp luật và chỉ trả lương cho ông L đến ngày 13/02/2017 mà không trả cho ông L một khoản tiền nào khác. Ông L không hề tham gia cuộc họp nào của Công ty T hay của tàu Sungai Silat1 về việc xử lý vi phạm của ông L. Ông L không biết sự việc các thuyền viên phản ánh về thái độ làm việc không tốt của ông L. Ông L không nhận được quyết định của thuyền trưởng tàu Sungai Silat1 buộc ông L rời khỏi tàu. Ngày 10/02/2017, tàu Sungai Silat1 gặp sự cố thì ngày 13/02/2017, bà Lê Ngọc D điện thoại cho ông L nghỉ việc. Việc Công ty T cho ông L thôi việc là trái pháp luật nên ông L khởi kiện Công ty T để yêu cầu những nội dung sau:

- Hủy Quyết định cho ông L thôi việc của Công ty T.

- Công ty T phải trả lương cho ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật lao động với số tiền là 176.000.000đồng (Từ ngày 13/02/2017 đến ngày 08/11/2017) và trả cho ông L 02 tháng lương theo hợp đồng lao động là 40.000.000đồng. Tổng số tiền mà ông L yêu cầu Công ty T phải trả cho ông L là 216.700.000đồng.

Ông L đã tìm được việc làm mới từ tháng 01/2018 nên ông L không yêu cầu Công ty T nhận ông L trở lại làm việc.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T trình bày:

Ngày 08/11/2016, Công ty T có ký Hợp đồng lao động số 01-2016TL/HĐLĐ với ông Đỗ Văn L. Thời hạn hợp đồng là 12 tháng, thời gian thực hiện hợp đồng tính từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/11/2017; công việc ông L được giao là máy trưởng, mức lương 20.000.000đồng/01tháng.

Trong quá trình làm việc, ông L nhiều lần vi phạm kỷ luật lao động, thường xuyên bỏ tàu để về với gia đình mà không xin phép thuyền trưởng và Giám đốc công ty. Nhiều chuyến hàng tàu cần chạy phải gọi cho ông L và chờ ông L đến nên làm chậm thời gian giao hàng, gây thiệt hại và làm mất uy tín kinh doanh của công ty. Ngày 10/02/2017, khi tàu Sungai Silat1 chạy từ Vũng Tàu đi Trà Vinh, do sóng to

nên tàu bị sự cố quấn dây vào chân vịt máy nhưng ông L không có mặt để khắc phục sự cố. Ông L biết tàu bị sự cố nhưng vẫn không xuống tàu để khắc phục sự cố, điều này chứng tỏ ông L vô trách nhiệm đối với công việc được giao. Trong quá trình vận hành máy thì ông L còn làm hư hỏng máy móc gây thiệt hại lớn cho công ty nhưng công ty chưa yêu cầu ông L bồi thường. Do ông L làm việc không hiệu quả nên Giám đốc công ty gọi điện thoại đề nghị ông L xuống làm máy 2 để bổ túc kinh nghiệm cho đến khi làm việc tốt thì sẽ chuyển lên làm máy trưởng nhưng ông L không đồng ý. Ông L còn tự ý lấy dầu của tàu để trả tiền thuê ghe cho những lần ông L bỏ tàu về thăm nhà; những người làm việc cùng tàu đã họp có ý kiến với ông L nhưng ông L không có ý kiến gì. Ngày 10/02/2017, tàu xảy ra sự cố nhưng ông L không khắc phục nên ông Nguyễn Đức T3 – thuyền trưởng tàu Sungai Silat1 đã ra quyết định buộc ông L rời tàu để hạn chế thiệt hại và nguy hiểm xảy ra cho tàu và các thuyền viên khác. Quyết định của thuyền trưởng đã Fax về cho Giám đốc công ty là bà Lê Ngọc D để thi hành nhưng do công ty đã bán tàu Sungai Silat1 nên không còn quyết định bản chính. Thuyền trưởng ban hành quyết định buộc ông L rời tàu là đúng quyền hạn và nhiệm vụ của thuyền trưởng quy định tại khoản 4 Điều 54 của Luật hàng hải Việt Nam. Theo Điều 8 của Nghị định 121/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn Công ước Lao động hàng hải năm 2006 thì chủ tàu không phải thanh toán các khoản chi phí cho thuyền viên khi hồi hương trong trường hợp thuyền viên bị xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải hoặc thuyền viên đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Mặc dù Công ty T không có hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế doanh nghiệp nhưng do ông L thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ, Công ty T đã báo cho ông L là sẽ cho ông L thôi việc; ông L nói là sẽ tự nguyện bàn giao lại công việc. Sau khi ông L bàn giao công việc xong thì Công ty T ra quyết định cho ông L thôi việc và trả đủ tiền lương cho ông L đến ngày 13/02/2017.

Việc Công ty T quyết định cho ông L thôi việc là đúng trình tự thủ tục, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 38 của Bộ luật lao động nên Công ty T không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

3. Bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L.

Hủy Quyết định về việc cho ông Đỗ Văn L thôi việc của Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Chấm dứt Hợp đồng lao động số 01-2016TL/HĐLĐ ngày 08/11/2016 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn T với ông Đỗ Văn L.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho ông L số tiền 215.333.318 đồng (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm mười tám đồng); trong đó 175.333.318 đồng tiền trong những ngày ông L không được làm việc và 40.000.000 đồng tiền lương theo hợp đồng lao động.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi suất do chậm thi hành án và thời hạn kháng cáo.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn T kháng cáo Bản án sơ thẩm với những nội dung sau:

Đề nghị xem xét cụ thể quy định về quyền và nghĩa vụ của Thuyền trưởng tàu Sungai Silat1 theo Luật hàng hải Việt Nam. Công ước lao động Hàng hải Quốc tế mà Việt Nam là thành viên khi ra quyết định buộc ông Đỗ Văn L rời tàu và ông L không có khả năng thực hiện tiếp hợp đồng lao động đã ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn T nên Công ty cho ông Đỗ Văn L nghỉ việc sau ngày 13/02/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận với nhau về vấn đề tranh chấp. Công ty T cung cấp 01 quyết định của Thuyền trưởng tàu Sungai Silat1 buộc ông L rời khỏi tàu (bản chính) và xuất trình 02 cuốn sổ Nhật ký tàu Sungai Silat1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn T nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2] Nguyên đơn ông Đỗ Văn L vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Lê Viết T1 và ông Thiện có mặt. Bà Lê Ngọc D là người đại diện theo pháp luật của Công ty T vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Trương Ngô Hồng T2 và ông T2 có mặt; ông Đặng Thanh H cũng là người đại diện theo ủy quyền của Công ty T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt ông L, bà D, ông H là đúng quy định tại Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng lao động số 01-2016TL/HĐLĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 (Hợp đồng lao động số 01-2016TL/HĐLĐ) do ông Đỗ Văn L ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn T (Công ty T) có hiệu lực từ ngày 08/11/2016. Theo hợp đồng này thì ông L làm việc cho Công ty T có thời hạn là 12 tháng tính từ ngày 08/11/2016 đến ngày 08/11/2017; công việc được giao là máy trưởng, mức lương là 20.000.000đồng/01tháng. Hợp đồng được ký kết phù hợp với Điều 16 và Điều 23 của Bộ luật lao động và ông L đã thực hiện hợp đồng kể từ ngày 08/11/2016. Hợp đồng

lao động này là hợp đồng lao động có thời hạn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 của Bộ luật lao động.

[4]. Quyết định không số, không ngày, tháng, năm của Công ty T về việc cho thôi việc ông Đỗ Văn L kể từ ngày 13/02/2017 là trước khi hết thời hạn của hợp đồng 08 tháng 23 ngày. Công ty T cho rằng Quyết định này là quyết định kỷ luật sa thải đối với ông L là không đúng quy định tại Điều 123 và 125 của Bộ luật lao động. Theo quy định tại điều 123 của Bộ luật lao động thì trước khi ra quyết định kỷ luật sa thải thì Công ty T phải tổ chức cuộc họp có sự tham gia của đại diện công đoàn cơ sở của Công ty T và ông L có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Việc xử lý kỷ luật lao động phải lập thành biên bản nhưng Công ty T không thực hiện.

[5]. Công ty T không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh ông L có hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích, sử dụng ma túy trong phạm vi nơi làm việc, tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của người sử dụng lao động. Ông L không bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương mà tái phạm trong thời gian chưa xoá kỷ luật hoặc bị xử lý kỷ luật cách chức mà tái phạm hoặc ông L tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong 01 tháng hoặc 20 ngày cộng dồn trong 01 năm mà không có lý do chính đáng theo quy định tại Điều 125 của Bộ luật lao động. Công ty T cũng xác định Quyết định về việc cho thôi việc ông L là quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty T với ông L. Vì vậy không áp dụng các quy định về kỷ luật sa thải người lao động để xem xét đối với ông L.

[6]. Ông L không thỏa thuận với Công ty T về việc chấm dứt hợp đồng lao động, không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Công ty T cung cấp Quyết định của ông Nguyễn Đức T3 – thuyền trưởng tàu Sungai Silat1 buộc ông L rời khỏi tàu nhưng không có văn bản giao nhận quyết định này cho ông L. Công ty T cho rằng trong quá trình làm việc ông L thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm nội quy, kỷ luật lao động, thường xuyên lấy dầu máy để trả công cho ghe chở ông L từ tàu vào đất liền thăm nhà mà không được sự cho phép của công ty. Khi tàu gặp sự cố ông L không xử lý mà để cho thợ máy 2 xuống phòng máy xử lý là thể hiện sự vô trách nhiệm của ông L. Tuy nhiên Công ty T xác nhận việc vi phạm của ông L không được lập thành biên bản và không ghi vào nhật ký tàu. Công ty T còn thừa nhận là công ty không có hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của người lao động trong quy chế của doanh nghiệp vì vậy không có cơ sở để khẳng định ông L thường xuyên không hoàn thành công việc. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động thì đối với hợp đồng lao động có thời hạn, khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng phải báo trước cho người lao động biết trước ít nhất 30 ngày. Tàu Sungai Silat1 gặp sự cố vào ngày 10/02/2017 thì ngày 13/02/2017, Công ty T ra Quyết định ông L thôi việc. Công ty T không đưa ra chứng cứ nào để chứng minh là có báo trước cho ông L về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Như vậy, Quyết định không số, không ngày, tháng, năm về việc cho thôi việc ông Đỗ Văn L là vi phạm Điều 38 và Điều 41 của Bộ luật Lao động nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy quyết định này là có căn cứ.

[7] Nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật lao động thì người sử dụng lao động phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Hợp đồng lao động giữa Công ty T với ông L hết hạn vào ngày 08/11/2017. Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Bộ luật lao động thì hợp đồng lao động giữa Công ty T với ông L chấm dứt nên Công ty T không có nghĩa vụ nhận ông L trở lại làm việc và ông L cũng không yêu cầu Công ty nhận ông L trở lại làm việc nên không xem xét. Về tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế trong những ngày ông L không được làm việc thì ông L không yêu cầu nên không xem xét. Thời gian ông L không được làm việc theo hợp đồng tính từ ngày 13/02/2017 đến ngày 08/11/2017 hết hạn hợp đồng là 8 tháng 23 ngày thì Công ty T phải trả lương cho ông L là $(8 \text{ tháng} \times 20.000.000\text{đồng}/\text{tháng}) + (23 \text{ ngày} \times 666.667\text{đồng}/\text{ngày}) = 175.333.341\text{đồng}$ và hai tháng tiền lương theo hợp đồng là 40.000.000đồng.

[8]. Từ những phân tích, nhận định trên và theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty T nên giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 16/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Án phí lao động phúc thẩm: Công ty TNHH T phải nộp án phí Lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 16, 22, 23, 36, 38, 41, 42 của Bộ luật lao động.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn T đối với Bản án lao động sơ thẩm số 02/2018/LĐST ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

1. Chấp nhận một phần yêu khởi kiện của ông Đỗ Văn L.

Hủy Quyết định về việc cho thôi việc ông Đỗ Văn L của Công ty trách nhiệm hữu hạn T không số, không ngày, tháng năm.

Chấm dứt Hợp đồng lao động số 01-2016TL/HĐLĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 giữa ông Đỗ Văn L với Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải trả cho ông Đỗ Văn L số tiền 215.333.318đồng (Hai trăm mười lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm mười tám đồng); trong đó tiền lương do không được làm việc theo hợp đồng là 175.333.341đồng và tiền lương 02 tháng theo hợp đồng lao động là 40.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải nộp 6.460.000đồng (Sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

Án phí lao động phúc thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0001961 ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa kinh tế.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Châu